

Bản án số:30/2021/DS-ST
Ngày 12/8/2021
V/v:Tranh chấp chia
di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

2. Bà Nguyễn Thị Hoan

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ltham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử C khai vụ án thụ lý số 104/2020/TLST-DSTC ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc: “Tranh chấp chia di sản thừa kế”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:47/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2021; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa và các quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1945

Địa chỉ: Thôn Phương L, xã Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

-*Bị đơn:* Anh Đỗ Chính Ph (tức Đỗ Văn Ph)sinh năm 1968

HKTT: Thôn N, xã Kh, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Thôn Phương L, xã Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

-*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

1/ Chị Đỗ Thị Ng sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2/ Anh Đỗ Minh Th sinh năm 1974 (có mặt)

3/ Chị Đỗ Thị H sinh năm 1976 (có mặt)

Đều địa chỉ: Thôn Phương L, xã Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Chị Ng và chị H đều do anh Th đại diện theo ủy quyền. Giấy ủy quyền đề ngày 04/11/2020.

4/ UBND huyện Ldo bà Trần Thị O đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).

5/ UBND xã Khám Lạng do ông Nguyễn Đình C- Chủ tịch đại diện (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày trong các bản tự

khai, biên bản lấy lời khai:

Bà kết hôn với ông Đỗ Thế Q năm 1967. Trong quá trình chung sống vợ chồng bà sinh được 04 người con gồm: Đỗ Văn Phsinh năm 1968, chị Đỗ Thị Ng sinh năm 1971, anh Đỗ Văn Th sinh năm 1974, chị Đỗ Thị H sinh năm 1976. Các con bà đều đã trưởng thành và đã có gia đình riêng. Vợ chồng bà không có con nuôi nào khác ngoài 04 người con đề trên. Năm 2016 chồng bà là ông Đỗ Thế Q đã qua đời, bà cùng các con đứng ra lo hậu sự theo phong tục tại địa phương, trước khi chết chồng bà không để lại di chúc, hay văn bản gì. Trong thời gian chung sống bà và ông Đỗ Thế Q tạo dựng được khối tài sản chung của vợ chồng gồm có:

Tài sản thứ nhất gồm: Thửa đất có diện tích 1419m²(thực đo 1432,5m²) theo biên bản thẩm định định giá ngày 06/5/2021 trong đó có 300m² đất ở, 1132,5m² đất vườn tại thửa đất số 0, tờ bản đồ số 0 đã được UBND huyện Lcấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S795759, số 00599/QĐ-UBND ngày 20/11/2001 mang tên hộ ông (bà) Đỗ Thế Q địa chỉ: Thôn Giếng, xã Khám Lạng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, trên đất có tài sản: 01 tường vành lao có diện tích 57,6m², 02 cây bưởi, 22 cây vải, 07 cây nhãn, 01 cây na, 01 cây đào, 07 cây xoan.Nguồn gốc thửa đất này là do ông Nguyễn Văn Chung ở thôn Giếng, xã Khám Lạng chuyển nhượng cho vợ chồng bà năm 1990, nguồn gốc đất của gia đình ông Chung chuyển nhượng cho gia đình bà có từ năm 1980.

Tài sản thứ hai gồm: Thửa đất có diện tích đất ở là 244m² tại thửa số 72, tờ bản đồ số 10 địa chỉ thôn Phương L, xã Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Lcấp giấy chứng nhận mang tên hộ ông Đỗ Thế Q số S795759, số 00666 theo quyết định số 1865/QĐ- UBND ngày 04/12/2014. Trên đất vợ chồng bà phát triển được các tài sản gồm: 01 tường vành lao có diện tích 41,4m², 1 bể nước có diện tích 8,89m², 01 nhà cấp 4 loại 2 có diện tích 96m², 01 cổng sắt có diện tích 4,6m², sân gạch có diện tích 56m², 04 cây nhãn, 01 cây đu đủ, 01 cây đinh lăng.Nguồn gốc thửa đất này do các cụ để lại cho vợ chồng bà trước năm 1980. Toàn bộ các tài sản gồm đất và các tài sản trên đất của vợ chồng bà ở thôn N, xã Khvà thôn Phương L, xã Ph, huyện L đều được thẩm định định giá tài sản trong các ngày 06/5/2021 và 07/5/2021. Hiện các tài sản ở hai nơi bà đang quản lý, sử dụng.

Nay bà đề nghị Tòa án chia đôi tài sản của bà và ông Q, ½ các tài sản của ông Q là di sản thừa kế của ông Q đề nghị chia thừa kế cho bà cùng các con bà theo quy định của pháp luật. Trên diện tích đất 1432,5m² có 01 nhà ở cấp 4, 01 nhà bếp, 01 sân gạch do bà xây dựng năm 2020 sau khi ông Q mất, không thuộc tài sản chung của bà và ông Q, nay bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Bị đơn anh Đỗ Chính Ph trình bày trong các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa:*Bố anh là ông Đỗ Thế Q mất năm 2015, sau khi mất bố anh không viết để lại di chúc gì, mọi lo toan khi bố anh mất đều do gia đình anh cùng lo và sau khi mất bố anh không nợ ai. Nay bà Tòng là mẹ anh có yêu cầu Tòa án phân chia các tài sản chung giữa bà Tòng và bố anh và chia di sản thừa kế của bố anh theo quy định của pháp luật gồm các tài sản sau:

Tài sản thứ nhất gồm: Mảnh đất ở, đất vườn có diện tích 1419m²(thực đo là 1432,5m²) đã được UBND huyện Lcấp GCNQSDĐ năm 2001 ở thôn Non Giếng, xã Khám Lạng, huyện Lcho hộ ông Đỗ Thế Q cùng các tài sản trên đất

đã được thẩm định định giá ngày 06/5/2021.

Tài sản thứ hai gồm 244m² đất ở đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ năm 2014 cho hộ ông Đỗ Thế Q ở thôn Phương L, xã Ph, huyện L và các tài sản trên đất. Anh hoàn toàn nhất trí vì thửa đất ở, đất vườn có diện tích 1419m²(thực đo là 1432,5m²) là đất ruộng phần trăm và ruộng canh tác của anh. Thời gian năm 2000 - 2001 anh không có mặt tại địa phương, bà Tòng và ông Q đã tự lấy đất ruộng phần trăm và ruộng canh tác của anh để đề nghị UBND huyện L cấp GCNQSDĐ đứng tên hộ ông Đỗ Thế Q. Còn các tài sản trên diện tích đất này là anh cũng tự trồng và phát triển được theo biên bản định giá ngày 06/5/2021. Còn đối với thửa đất có diện tích 244m², trên đất có 01 nhà 4 gian cùng các tài sản khác theo biên bản định giá ngày 07/5/2021. Diện tích đất này và các tài sản trên đất cũng là của các cụ trong dòng họ nhà anh để lại cho bố anh làm nhà thờ họ để cúng tổ tiên. Khi bố anh mất, bố anh đã nói rõ cho mọi người trong gia đình và anh là để lại cho anh sử dụng, sở hữu để thờ cúng tổ tiên. Nay anh không chấp nhận toàn bộ theo yêu cầu của bà Tòng, anh đề nghị Tòa án buộc bà Tòng phải giao lại cho anh thửa đất có diện tích 1432,5m² ở thôn Non Giếng, xã Khám Lạng, Lục Nam đã được UBND huyện L cấp năm 2001 và thửa đất có diện tích 244m² ở thôn Phương L, xã Ph, huyện L đã được UBND huyện L cấp ngày 04/12/2014 và toàn bộ tài sản trên 2 thửa đất.

Tại phiên tòa hôm nay anh vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Chị Đỗ Thị Ng, anh Đỗ Minh Th, chị Đỗ Thị H. Chị Ng, chị H do anh Th đại diện trình bày trong bản tự khai và tại phiên tòa: Anh xác nhận 1 phần lời khai của mẹ anh là bà Nguyễn Thị T và trình bày tiếp. Ngày 08/8/2015 bố anh là ông Đỗ Thế Q mất, khi mất mọi chi phí lo toan tang lễ do mẹ anh và anh, em anh đã cùng nhau lo tang lễ theo phong tục địa phương, đến nay bố anh cũng không nợ ai và cũng không ai nợ bố anh. Sau khi bố anh mất, bố anh không để lại di chúc về tài sản. Trong quá trình bố, mẹ anh chung sống đã phát triển được tài sản gồm: 01 thửa đất ở, đất vườn có diện tích 1419m²(thực đo là 1432,5m²) đã được UBND huyện cấp GCNQSDĐ năm 2001 ở thôn Non Giếng, xã Khám Lạng, huyện L hiện trên đất có tài sản lâm lộc do bố mẹ anh phát triển gồm 57,6m² tường vánh lao, 02 cây bưởi, 22 cây vải, 07 cây nhãn, 01 cây đào, 07 cây xoan đã được thẩm định, định giá ngày 06/5/2021. Thửa đất thứ 2 có diện tích đất ở là 244m² ở thôn Phương L, xã Ph, huyện L đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ cho bố, mẹ anh năm 2014. Trên diện tích đất này có 01 nhà ở và 1 số tài sản khác theo biên bản định giá ngày 06/5/2021 là đúng. Toàn bộ tài sản này hiện mẹ anh đang quản lý, sử dụng. Nay mẹ anh yêu cầu Tòa án chia tài sản chung và chia di sản thừa kế của bố anh. Cụ thể đề nghị Tòa án xác nhận ½ tài sản trên là của mẹ anh, còn ½ tài sản là của bố anh là di sản thừa kế chia theo quy định của pháp luật. Anh hoàn toàn nhất trí. Hiện anh và chị H, chị Ng đã có đất riêng và nhà ở ổn định nên kỷ phần của anh và chị H, chị Ng yêu cầu giao cho mẹ anh đất, buộc mẹ anh trả bằng tiền cho anh, chị, em anh. Ngoài yêu cầu chia di sản thừa kế anh cho biết từ năm 2000 đến năm 2015 vợ chồng anh có ở chung cùng hộ khẩu với bố, mẹ anh. Trong quá trình ở chung vợ chồng anh cũng không có C sức đóng góp vào khối tài sản trên, nay anh không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa hôm nay anh vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

UBND huyện Ldo bà Trần Thị O đại diện theo ủy quyền trình bày trong bản tự khai: Hiện nay Tòa án nhân dân huyện Lđang giải quyết vụ án tranh chấp chia tài sản chung và di sản thừa kế giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trú tại thôn Phương L, xã Ph, huyện L, bị đơn là anh Nguyễn Văn Phương cùng địa chỉ. Tài sản tranh chấp gồm thửa đất có diện tích 1419m² gồm đất ở và đất vườn ở tại thôn Non Giếng, xã Khám Lạng, huyện Lđã được UBND huyện Lcấp GCNQSDĐ cho hộ ông Đỗ Thế Q ngày 20/11/2001. Về trình tự thủ tục cấp GCNQSDĐ thửa đất trên lần đầu cho hộ ông Đỗ Thế Q đảm bảo đúng trình tự quy định của pháp luật.Nay xảy ra tranh chấp đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa UBND huyện Ldo bà O đại diện có đơn xin xét xử vắng mặt.

UBND xã Khám Lạng do ông Nguyễn Đình C đại diện trình bày trong bản tự khai: Với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án thụ lý số 104/2020 ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện L về việc tranh chấp chia tài sản chung và di sản thừa kế giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trú tại thôn Phương L, xã Ph, huyện L bị đơn là anh Đỗ Văn Phtrú tại thôn Giếng, xã Khám Lạng, huyện Lcó ý kiến như sau: Thửa đất có diện tích 1419m² gồm đất ở và đất vườn ở tại thôn Giếng, xã Khám Lạng, huyện Lngày 20/11/2001 hộ ông Đỗ Thế Q đã được UBND huyện Lcấp GCNQSDĐ, mục đích thửa đất là đất ở có diện tích 300m², đất vườn có diện tích 1119m². Về trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ lần đầu cho hộ ông Đỗ Thế Q là đảm bảo đúng trình tự theo quy định của pháp luật.Nguồn gốc diện tích đất này là của bà Tông, ông Q nhận chuyển nhượng của ông Chung ở cùng thôn khoảng năm 1990, nay xảy ra tranh chấp đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ltham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đại diện UBND huyện Lục Nam, đại diện UBND xã Khám Lạng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660, điểm b khoản 1 Điều 688, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Đỗ Thế Q.

Xác nhận di sản thừa kế của ông Đỗ Thế Q có tổng trị giá 713.717.200đ. Giao cho bà Nguyễn Thị T sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản là di sản thừa kế của ông Đỗ Thế Q và bà Tông tiếp tục sử dụng phần tài sản của bà gồm:

Thửa đất ở, đất vườn có diện tích 1432,5m² ở tờ bản đồ số 0, số thửa 0 đã được UBND huyện Lcấp GCNQSDĐ ngày 20/11/2001 mang tên hộ ông (bà) Đỗ Thế Q tại thôn Non Giếng, xã Khám Lạng, huyện Lcó các cạnh: Phía Đông tính từ điểm 5+6+7+8 (13,47m+13,46m+10,13m) dài 37,06m; Phía Tây giáp

với mương thôn tính từ điểm 1+2+3 (20,68m+9,13m) dài 29,81m; Phía Nam giáp đất anh Phương tính từ điểm 8+1 dài 42,26m; Phía Bắc tính từ điểm 3+4+5 (15,91m+27,18m) dài 43,09m và các tài sản trên đất mà bà Tòng, ông Q tạo dựng gồm: 22 cây vải, 02 cây bưởi, 57,6m² tường vành lao, 07 cây nhãn, 01 cây na, 01 cây đào, 07 cây xoan. Tổng giá trị tài sản: 880.830.500đ.

Thửa đất ở có diện tích 244m² tại thửa số 72, tờ bản đồ số 10 đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận mang tên hộ ông (bà) Đỗ Thế Q ngày 04/12/2014 tại thôn Phương L, xã Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang có các cạnh: Phía Đông tính từ điểm 1+2 dài 10,70m; Phía Nam tính từ điểm 2+3+4+5+6 (4,94m+1,42m+11,34m+6,70m) dài 24,4m ; Phía Tây tính từ điểm 6+7 dài 9,50m; Phía Bắc tính từ điểm 7+1 dài 21,40m và các tài sản trên đất mà bà Tòng, ông Q tạo dựng gồm: tường vành lao 40,4m²; 01 bể nước diện tích 8,89m³; 01 nhà cấp 4 diện tích 96m²; cổng sắt 4,6m²; sân gạch 56m²; 01 cây nhãn tán lá 3,5m; 03 cây nhãn tán lá 1m; 01 cây đinh lăng; 01 cây đu đủ. Tổng giá trị tài sản là 546.604.000đ.

Tổng giá trị tài sản ở thôn N, xã Kh và thôn Phương L, xã Ph, huyện L là 880.830.500đ + 546.604.000đ = 1.427.434.500đ. Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán trả bằng tiền kỷ phần thừa kế của ông Đỗ Thế Q để lại cho anh Nguyễn Chính Ph (tức Đỗ Văn Ph), chị Đỗ Thị Ng, anh Đỗ Minh Th, chị Đỗ Thị H phần di sản được hưởng, mỗi người số tiền là 142.743.400đ và bà Tòng số tiền là 142.743.400đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đều có mặt tại phiên tòa, nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam; đại diện Ủy ban nhân dân xã Khám Lạng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] *Thẩm quyền và quan hệ pháp luật*:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và yêu cầu của các đương sự Hội đồng xét xử xác định thẩm quyền và quan hệ pháp luật là: “Tranh chấp chia di sản thừa kế” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] *Về thời hiệu khởi kiện*:

Ông Đỗ Thế Q chết ngày 08/8/2015. Bà Tòng có đơn khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Đỗ Thế Q là đúng theo quy định tại Điều 623 BLDS 2015.

[4] *Về nội dung vụ án*: Bà Nguyễn Thị T kết hôn với ông Đỗ Thế Q năm 1967. Trong quá trình chung sống bà Tòng và ông Q phát triển được tài sản gồm: Thửa đất có diện tích 1432,5m² (thực đo ngày 06/5/2021) đất ở và đất vườn trị giá 866.250.000đ. Diện tích đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện

Lấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S795759, số 00599/QĐ-UBND ngày 20/11/2001 mang tên hộ ông (bà) Đỗ Thế Q địa chỉ: Thôn Giếng, xã Khám Lạng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Nguồn gốc thửa đất này là do ông Nguyễn Văn Chung ở thôn Giếng, xã Khám Lạng chuyển nhượng cho vợ chồng bà năm 1990, nguồn gốc đất của ông Chung chuyển nhượng cho bà Tông, ông Q có từ năm 1980. Trên đất này có các tài sản mà bà Tông, ông Q tạo dựng gồm: 22 cây vải trị giá 3.212.000đ, 02 cây bưởi trị giá 688.000đ, 57,6m² tường vành lao trị giá 8.064.000đ, 07 cây nhãn (4 cây trị giá 1.232.000đ, 3 cây trị giá 222.000đ) tổng 1.454.000đ, 01 cây na trị giá 177.000đ, 01 cây đào trị giá 42.500đ, 07 cây xoan (4 cây trị giá 616.000đ, 03 cây trị giá 327.000đ) tổng là 943.000đ. Tổng giá trị tài sản: 880.830.500đ.

Thửa đất có diện tích 244m² trị giá 488.000.000đ tại thửa số 72, tờ bản đồ số 10 địa chỉ thôn Phương L, xã Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận mang tên hộ ông Đỗ Thế Q số S795759, số 00666 theo quyết định số 1865/QĐ- UBND ngày 04/12/2014. Nguồn gốc thửa đất này bà Tông, ông Q được các cụ để lại cho từ trước năm 1980. Trên đất này có các tài sản mà bà Tông cùng ông Q tạo dựng gồm: Tường vành lao 40,4m² trị giá 2.057.000đ; 01 bể nước diện tích 8,89m³ trị giá 1.582.000đ; 01 nhà cấp 4 diện tích 96m² trị giá 46.656.000đ; cổng sắt 4,6m² trị giá 846.000đ; sân gạch 56m² trị giá 6.720.000đ; 01 cây nhãn tán lá 3,5m trị giá 758.000đ; 03 cây nhãn tán lá 1m trị giá 222.000đ; 01 cây đinh lăng trị giá 35.000đ; 01 cây đu đủ đã có quả trị giá 88.000đ. Tổng giá trị tài sản là 546.604.000đ. Đã được thẩm định định giá tài sản trong các ngày 06/5/2021 và 07/5/2021 theo đơn thẩm định định giá của bà Nguyễn Thị T. Tổng giá trị tài sản ở thôn N, xã Kh và thôn Phương L, xã Ph, huyện L là 880.830.500đ + 546.604.000đ = 1.427.434.500đ. Nay bà Tông đề nghị Tòa án chia tài sản chung và di sản thừa kế của ông Q theo quy định của pháp luật.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của những người thừa kế bà Tông, chị Ng, anh Th, chị H trước khi ông Q chết, ông Q không để lại di chúc nên di sản thừa kế của ông Q được chia theo quy định của pháp luật, theo quy định tại Điều 649 BLDS năm 2015. Do vậy yêu cầu của bà Tông, anh Th, chị Ng, chị H yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Q là có căn cứ, cần chấp nhận.

[6] Về yêu cầu của anh Đỗ Chính Ph là bị đơn: Không chấp nhận theo yêu cầu của bà Tông chia tài sản chung và di sản thừa kế của ông Q gồm:

Thửa đất có diện tích 1419m² đất ở và đất vườn (thực đo là 1432,5m²) trị giá 866.250.000đ. Diện tích đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S795759, số 00599/QĐ-UBND ngày 20/11/2001 mang tên hộ ông (bà) Đỗ Thế Q địa chỉ: Thôn Giếng, xã Khám Lạng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang và toàn bộ tài sản trên đất theo biên bản thẩm định định giá ngày 06/5/2021. Anh Phương cho rằng diện tích đất này là đất ruộng canh tác, đất phần trăm, đất khai hoang và các tài sản trên đất là của anh Phương phát triển được. Khoảng năm 2000- 2001 anh Phương không có mặt tại địa phương, bà Tông, ông Q đã tự kê khai toàn bộ diện tích 1419m² (thực đo là 1432,5m²) đề nghị UBND huyện L cấp GCNQSDĐ.

Thửa đất có diện tích 244m² trị giá 488.000.000đ tại thửa số 72, tờ bản đồ số 10 địa chỉ thôn Phương L, xã Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận mang tên hộ ông Đỗ Thế Q số S795759, số 00666 theo quyết định số 1865/QĐ- UBND ngày 04/12/2014 và các tài sản trên đất. Nguồn gốc diện tích đất này và các tài sản trên đất là của các cụ trong dòng

họ anh Phương đã để lại cho bố anh Phương thờ cúng tổ tiên. Khi bố anh Phương mất đã nói rõ với gia đình và họ hàng và anh Phương là để lại cho anh Phương trông nom quản lý, sử dụng thờ cúng tiếp tổ tiên.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngoài lời khai của anh Phương thì anh Phương không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác về các yêu cầu trên: Cụ thể là về thửa đất có diện tích 1419m² đất ở, đất vườn thực đo là 1432,5m² trị giá 866.250.000đ ở Thôn N, xã Kh, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hộ ông Đỗ Thế Q được UBND huyện cấp GCNQSDĐ ngày 20/11/2001, tại thửa đất này theo đơn xin đăng ký QSDĐ ngày 02/7/2000 do chủ hộ là ông Đỗ Thế Q (chủ sử dụng đất) thể hiện trong giấy xin đăng ký QSDĐ là 1419m² đất ở, đất vườn và trong giấy xin cấp đăng ký QSDĐ của ông Q đã thể hiện các chủ sử dụng đất liền kề ký giáp ranh trong đó có anh Đỗ Chính Ph là hộ có đất liền kề đã ký và trên cơ sở biên bản xác minh với địa phương cùng với lời khai của ông Nguyễn Văn Chung là người trực tiếp chuyển nhượng diện tích đất 1419m² và ông Nguyễn Văn Huệ- nguyên trưởng thôn N, xã Kh năm 2000 đều xác nhận năm 1990 gia đình anh Chung đã chuyển nhượng 1419m² đất cho vợ chồng ông Q, bà Tòng nguồn gốc đất của gia đình anh Chung có từ năm 1980. Sau khi vợ chồng ông Q, bà Tòng nhận chuyển nhượng diện tích đất này đã sử dụng và phát triển tài sản trên đất gồm: 22 cây vải trị giá 3.212.000đ, 02 cây bưởi trị giá 688.000đ, 57,6m² tường vảnh lao trị giá 8.064.000đ, 07 cây nhãn (4 cây trị giá 1.232.000đ, 3 cây trị giá 222.000đ) tổng 1.454.000đ, 01 cây na trị giá 177.000đ, 01 cây đào trị giá 42.500đ, 07 cây xoan (4 cây trị giá 616.000đ, 03 cây trị giá 327.000đ) tổng là 943.000đ. Tổng giá trị tài sản là: 880.830.500đ (trong đó có giá trị đất và tài sản trên đất) theo biên bản thẩm định định giá tài sản ngày 06/5/2021 là của vợ chồng ông Q, bà T. Nên yêu cầu của anh Ph đối với thửa đất có diện tích 1419m² thực đo là 1432,5m² và toàn bộ tài sản trên đất là không có căn cứ.

Về thửa đất ở 244m² trị giá 488.000.000đ ở thôn Phương L, xã Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Đỗ Thế Q ngày 04/12/2014, qua các tài liệu có trong hồ sơ và biên bản xác minh với địa phương (UBND xã Phương Sơn) được biết nguồn gốc thửa đất này của ông Q, bà Tòng đã được các cụ của ông Q, bà Tòng để lại cho vợ chồng ông Q, bà Tòng từ trước năm 1980. Sau khi các cụ để lại đất cho vợ chồng ông Q, bà Tòng, Vợ chồng ông Q, bà Tòng đã phát triển được các tài sản trên đất gồm: Tường vảnh lao 40,4m² trị giá 2.057.000đ; 01 bể nước diện tích 8,89m³ trị giá 1.582.000đ; 01 nhà cấp 4 diện tích 96m² trị giá 46.656.000đ; cổng sắt 4,6m² trị giá 846.000đ; sân gạch 56m² trị giá 6.720.000đ; 01 cây nhãn tán lá 3,5m trị giá 758.000đ; 03 cây nhãn tán lá 1m trị giá 222.000đ; 01 cây đinh lăng trị giá 35.000đ; 01 cây đu đủ đã có quả trị giá 88.000đ. Tổng giá trị tài sản là 546.604.000đ theo biên bản thẩm định định giá tài sản ngày 07/5/2021 là của ông Q, bà Tòng. Nên yêu cầu của anh Phương đối với thửa đất có diện tích 244m² và toàn bộ tài sản trên đất là không có căn cứ.

Do vậy, tổng giá trị tài sản ở thôn N, xã Kh và thôn Phương L, xã Ph, huyện L là 880.830.500đ + 546.604.000đ = 1.427.434.500đ. Các con của bà Tòng, ông Q không có C sức trong khối tài sản này, toàn bộ tài sản này hiện bà Tòng đang sử dụng, sở hữu, nay cần được chia đều cho bà Tòng, ông Q mỗi người được hưởng một phần bằng nhau. Di sản thừa kế của ông Q để lại được xác định là ½ tổng số tài sản chung của bà Tòng, ông Q.

[7] Về hàng thừa kế: Hàng thừa kế thứ nhất của ông Đỗ Thế Q gồm có: Bà

Nguyễn Thị T, anh Đỗ Chính Ph (tức Đỗ Văn Phương), chị Đỗ Thị Ng, anh Đỗ Minh Th, chị Đỗ Thị H được xác định theo Điều 613, điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự 2015 và không trong diện người không được hưởng di sản theo Điều 621 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[8] *Các nghĩa vụ về tài sản và các chi phí liên quan đến thừa kế:* Bà Tòng, anh Phương, chị Ng, anh Th, chị H đều trình bày và xác định ông Đỗ Thế Q không còn nợ ai, không còn khoản nào chưa thanh toán.

Di sản thừa kế được chia như sau: Do ông Đỗ Thế Q chết không để lại di chúc nên chia thừa kế theo pháp luật, theo quy định khoản 2 Điều 651 BLDS 2015: “ 2. *Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau.*”

Di sản thừa kế của ông Q có tổng giá trị bằng tiền là 713.717.200đ, được chia đều làm 05 phần cho các hàng thừa kế thứ nhất của ông Q gồm: Bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Chính Phương, chị Đỗ Thị Ng, anh Đỗ Minh Th, chị Đỗ Thị H, mỗi người được hưởng 1 phần bằng nhau tương đương với số tiền mỗi kỳ phần được hưởng là 142.743.400đ.

Do các di sản thừa kế của ông Q hiện bà Tòng đang sở hữu, sử dụng và hiện nay các con của bà Tòng, ông Q đều có nhà, đất riêng ổn định. Xét hiện trạng phân đất này và các tài sản trên đất chỉ có thể chia làm hai phần nên cần giao cho bà Nguyễn Thị T sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản là di sản thừa kế của ông Đỗ Thế Q và bà Tòng tiếp tục sử dụng phần tài sản của bà gồm:

Thửa đất có diện tích 1432,5m² ở tại thôn N, xã Kh đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ năm 2001 và các tài sản trên đất mà bà Tòng, ông Q tạo dựng gồm: 22 cây vải, 02 cây bưởi, 57,6m² tường vành lao, 07 cây nhãn, 01 cây na, 01 cây đào, 07 cây xoan. Tổng giá trị tài sản: 880.830.500đ.

Thửa đất có diện tích 244m² tại thửa số 72, tờ bản đồ số 10 địa chỉ thôn Phương L, xã Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận mang tên hộ ông Đỗ Thế Q số S795759, số 00666 theo quyết định số 1865/QĐ- UBND ngày 04/12/2014. Trên đất có các tài sản gồm: 40,4m² tường vành lao; 01 bể nước diện tích 8,89m³; 01 nhà cấp 4 diện tích 96m²; cổng sắt 4,6m²; sân gạch 56m²; 01 cây nhãn tán lá 3,5m; 03 cây nhãn tán lá 1m; 01 cây đinh lăng; 01 cây đu đủ đã có quả. Tổng giá trị tài sản là 546.604.000đ.

Tổng giá trị tài sản ở thôn N, xã Kh và thôn Phương L, xã Ph, huyện L là 880.830.500đ + 546.604.000đ = 1.427.434.500đ.

Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả bằng tiền kỳ phần thừa kế của ông Q để lại cho các đồng thừa kế là anh Đỗ Chính Ph, chị Đỗ Thị Ng, anh Đỗ Minh Th, chị Đỗ Thị H mỗi người được hưởng tương ứng với số tiền là 142.743.400đ và bà Tòng số tiền là 142.743.400đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] *Về các vấn đề khác trong vụ án:* Ngày 24/3/2021 Tòa án đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho anh Phương theo yêu cầu của anh Phương về việc giải quyết thửa đất 1419m² ở Thôn N, xã Kh, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhưng anh Phương không nộp nên Tòa án không xem xét giải quyết và Tòa án có đưa chị Hoàng Thị Ngân vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị Ngân xác định trong thời gian vợ chồng chị ở chung với bà Tòng, ông Q chị không có C sức đóng góp trong khối tài sản của bà Tòng, ông Q nên chị từ chối tham gia tố tụng và anh Th là chồng chị Ngân cũng xác nhận vợ chồng anh không có công sức đóng góp trong khối tài sản của bà Tòng, ông Q đã phát triển được, anh cũng không yêu cầu trích chia C sức, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[10] *Về chi phí tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đỗ Minh Th đã nộp tổng số tiền đo vẽ và xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 15.000.000đ cho Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, số tiền này Tòa án đã chi cho Hội đồng thẩm định và định giá tài sản, đo vẽ sơ đồ diện tích đất tranh chấp vào các ngày 06/05/2021 và 07/5/2021, Tòa án đã thanh toán xong với anh Th. Nay anh Thxin chịu cả số tiền này, không yêu cầu bà Tông, anh Ph, chị Ng, anh Th, chị H phải chịu tiền chi phí định giá và thẩm định. Xét thấy yêu cầu của anh Th là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[11] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Anh Đỗ Chính Ph, chị Đỗ Thị Ng, anh Đỗ Minh Th, chị Đỗ Thị H phải chịu tiền án phí chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

[12] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660, điểm b khoản 1 Điều 688, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

1.Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Đỗ Thế Q.

Xác nhận di sản thừa kế của ông Đỗ Thế Q có tổng trị giá 713.717.200đ. Giao cho bà Nguyễn Thị T sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản là di sản thừa kế của ông Đỗ Thế Q và bà Tông tiếp tục sử dụng phần tài sản của bà gồm:

Thửa đất ở, đất vườn có diện tích 1432,5m² ở tờ bản đồ số 0, số thửa 0 đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ ngày 20/11/2001 mang tên hộ ông (bà) Đỗ Thế Q tại thôn Non Giếng, xã Khám Lạng, huyện L có các cạnh: Phía Đông tính từ điểm 5+6+7+8 (13,47m+13,46m+10,13m) dài 37,06m; Phía Tây giáp với mương thôn tính từ điểm 1+2+3 (20,68m+9,13m) dài 29,81m; Phía Nam giáp đất anh Ph tính từ điểm 8+1 dài 42,26m; Phía Bắc tính từ điểm 3+4+5 (15,91m+27,18m) dài 43,09m và các tài sản trên đất mà bà Tông, ông Q tạo dựng gồm: 22 cây vải, 02 cây bưởi, 57,6m² tường vành lao, 07 cây nhãn, 01 cây na, 01 cây đào, 07 cây xoan. Tổng giá trị tài sản: 880.830.500đ.

Thửa đất ở có diện tích 244m² tại thửa số 72, tờ bản đồ số 10 đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận mang tên hộ ông (bà) Đỗ Thế Q ngày 04/12/2014 tại thôn Phương L, xã Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang có các cạnh: Phía Đông tính từ điểm 1+2 dài 10,70m; Phía Nam tính từ điểm 2+3+4+5+6

(4,94m+1,42m+11,34m+6,70m) dài 24,4m ; Phía Tây tính từ điểm 6+7 dài 9,50m; Phía Bắc tính từ điểm 7+1 dài 21,40m và các tài sản trên đất mà bà Tòng, ông Q tạo dựng gồm: tường vảnh lao 40,4m²; 01 bể nước diện tích 8,89m³; 01 nhà cấp 4 diện tích 96m²; cổng sắt 4,6m²; sân gạch 56m²; 01 cây nhãn tán lá 3,5m; 03 cây nhãn tán lá 1m; 01 cây đình lăng; 01 cây đu đủ. Tổng giá trị tài sản là 546.604.000đ.

Tổng giá trị tài sản ở thôn N, xã Kh và thôn Phương L, xã Ph, huyện L là 880.830.500đ + 546.604.000đ = 1.427.434.500đ (một tỷ bốn trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi tư nghìn năm trăm đồng). Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán trả bằng tiền kỹ phần thừa kế của ông Đỗ Thế Q để lại cho anh Nguyễn Chính Phương (tức Đỗ Văn Phương), chị Đỗ Thị Ng, anh Đỗ Minh Th, chị Đỗ Thị H phần di sản được hưởng, mỗi người số tiền là 142.743.400đ và bà Tòng số tiền là 142.743.400đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật anh Đỗ Chính Ph tức anh Đỗ Văn Phương, chị Đỗ Thị Ng, anh Đỗ Minh Th, chị Đỗ Thị H có đơn đề nghị thi hành án mà bà Nguyễn Thị T không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì bà Nguyễn Thị T còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về chi phí tố tụng:

Anh Th chịu toàn bộ chi phí, thẩm định định giá tài sản. Anh Th đã nộp đủ.

Bà Tòng, anh Phương, chị Ng, chị H không phải chịu tiền chi phí thẩm định định giá tài sản.

3. Về án phí:

Miễn tiền án phí chia di sản thừa kế và tài sản chung cho bà Nguyễn Thị T.

Anh Đỗ Chính Ph (tức Đỗ Văn Phương) phải chịu 7.137.170đ tiền án phí chia di sản thừa kế.

Chị Đỗ Thị Ng phải chịu 7.137.170đ tiền án phí chia di sản thừa kế nhưng được trừ vào số tiền 3.000.000đ chị Ng đã nộp theo biên lai AA/2017/0005040 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L ngày 18/11/2020. Chị Ng còn phải nộp thêm số tiền 4.137.170đ.

Anh Đỗ Minh Th phải chịu 7.137.170đ tiền án phí chia di sản thừa kế nhưng được trừ vào số tiền 3.000.000đ anh Th đã nộp theo biên lai AA/2017/0005041 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L ngày 18/11/2020. Anh Th còn phải nộp thêm số tiền 4.137.170đ.

Chị Đỗ Thị H phải chịu 7.137.170đ tiền án phí chia di sản thừa kế nhưng được trừ vào số tiền 3.000.000đ chị H đã nộp theo biên lai AA/2017/0005039 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L ngày 18/11/2020. Chị H còn phải nộp thêm số tiền 4.137.170đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày

nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án./
(Kèm theo bản án là sơ đồ đo đạc thửa đất)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Toàn